**1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 TOÁN – LỚP 9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn |  |  |  |  |  | 1câu 31đ |  |  |  |
|  |  | Giải bài toán bằng cách lập phương trình |  |  |  |  |  | 1câu 41đ |  |  |  |
| **2** | **Hàm số y = ax2** **(a≠0) và đồ thị** | Vẽ đồ thị và tìm tọa độ giao điểm của (P) và (D) |  |  |  | 1Câu 11.5đ |  |  |  |  | 25% |
|  | Bài toán áp dụng công thức hàm số  |  | 1Câu 51đ |  |  |  |  |  |  |
| **3** | ***Định lí Viète*** | Chứng tỏ phương trình có nghiệm |  |  |  | 1Câu 2a0,5đ |  |  |  |  | 15% |
| Tính tổng và tích hai nghiệm ,tính giá trị biểu thức không chưa tham số m |  |  |  | 1Câu 2b1đ |  |  |  |  |
| **4** | **Đường tròn** | *Tứ giác nội tiếp* |  | 1câu 7a1đ |  |  |  |  |  |  | 30% |
| Các loại góc của đường tròn: góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung |  |  |  | 1câu 7b1đ |  |  |  | 1câu 7c1đ |
| **5** | Các hình khối trong thực tiễn | *Hình trụ. Hình nón. Hình* *cầu* |  | 1câu 61đ |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng: Số câu** **Điểm** |  | 43đ |  | 44đ |  | 22đ |  | 11,0đ | 10,0đ |
| **Tỉ lệ %** | 30% | 40% | 20% | 10% | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | 70% | 30% | 100% |

**1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 9**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ - ĐAI SỐ** |
| 12. | **Phương trình và hệ** **phương trình*****Hàm số đổ thị*** | -Phương trình bậc hai một ẩn-Phương trình quy về phương trình bậc hai một ẩn-Giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình bậc nhất hai ẩn | ***Nhận biết:***Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn,công thức nghiệm phương trình bậc hai, điều kiện để phương trình có nghiệm | 1TL(Câu 2a) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***–.Thực hiện được một số phép biến đổi đơn giản về căn thức bậc hai của biểu thức đại số  |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:***Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn  |  |  | 1TL(Câu 3)1TL(Câu 4) |  |
| Hàm số y = ax2 (a ≠0) vàđồ thị | ***Nhận biết:***Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm sốy = ax2 (a ≠0). |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Thiết lập được bảng giá trị của hàm số y = ax2 (a ≠0).– Vẽ được đồ thị của hàm số y = ax2 (a ≠0).- Bài toán áp dụng công thức của hàm số bậc hai |  | 1TL (Câu 1) |  |  |
| ***Vận dụng:***Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số y = ax2 (a ≠0)và đồ thị (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...) |  |  | 1TL(câu 5) |  |
| 3 | ***Định lí Viète*** |  | ***Nhận biết:*** Mối liên hệ giữa hệ số và nghiệm của phương trình bậc hai 1 ẩn |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:Á***p dụng định lý viet để tính giá trị biểu thức không chứa tham số m |  | 1TL(câu 3b) |  |  |
| ***Vận dụng:***vận dụng định lý vi-et để tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai, tìm hai số biết tổng và tích của chúng |  |  |  |  |
| **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** |
| 1 | Đường tròn | Các loại góc của đường tròn: góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung*Tứ giác nội tiếp* | ***Nhận biết:******-***Nhận biết được góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung– Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn và giải thích được định lí về tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180 | 1TL (Câu 6a) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***Giải thích được mối liên hệ giữa số đo các góc với cung bị chắn  |  | 1TL (Câu6b) |  |  |
| ***Vận dụng:****V*ận dụng các định lý ***,*** tính chất của các loại góc , tứ giác nội tiếp để chứng minh các yếu tố liên quan đến đường tròn  |  |  |  | 1TL (Câu 6c) |
| 2 | Các hình khối trong thực tiễn | *Hình trụ. Hình nón. Hình* *cầu* | ***Nhận biết:***- Mô tả (đường sinh, chiều cao, bán kính đáy), tạo lập được hình trụ. – Mô tả (đỉnh, đường sinh, chiều cao, bán kính đáy), tạo lập được hình nón. – Mô tả (tâm, bán kính), tạo lập được hình cầu, mặt cầu. Nhận biết được phần chung của mặt phẳng và hình cầu. | 1TL (Câu 5) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:******-*** Tính được diện tích xung quanh của hình trụ, hình nón, diện tích mặt cầu. – Tính được thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:*** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh, thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình trụ, hình nón, hình cầu,...) |  |  |  |  |